

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-10-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Đoàn Hoài Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp A, xã MTB, huyện ĐH, tỉnh Long An; nơi tạm trú: Ấp AK, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Mang Công T, sinh năm 1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp ML, xã MTT, huyện ĐH, tỉnh Long An; nơi tạm trú: Ấp SS, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2018 và bản tự khai - nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm Th trình bày:

Chị và anh Mang Công T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện ĐH, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chồng và đi làm công nhân tại

Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2015, vợ chồng về TB sinh sống. Trong thời gian chung sống, anh T thường xuyên cờ bạc. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng xây dựng gia đình. Tuy nhiên, anh T vẫn không thay đổi. Do đó, tháng 11/2017, chị thuê nhà trọ khác để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân mặc dù vợ chồng có gặp mặt để hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mang Tiến P, sinh ngày 15-4-2012, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Mang Công T trình bày:

Anh xác nhận anh và chị Th chung sống vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung, nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh đánh bạc thiếu nợ nhưng hiện nay anh đã từ bỏ cờ bạc. Vợ chồng ly thân gần 01 năm nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh đã nhiều lần năn nỉ nhưng chị Th không tha thứ cho anh. Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe Airbalde, biển số 62S1-179.10 do chị Th giữ. Nay anh yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh T.

Về con chung: Giao cháu Mang Tiến P cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Mang Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Th cho rằng nguyên nhân, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không khắc phục. Nay chị Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh T yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh T thấy rằng, anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh cờ bạc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017. Trong thời gian sống ly thân, anh cũng nhiều lần năn nỉ chị Th nhưng không thành. Ngoài ra, anh không đến tham gia hòa giải thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin đoàn tụ của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[3] Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung tên Mang Tiến P, sinh ngày 15/4/2012, hiện đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh T đồng ý giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu P cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000 đồng nên ghi nhận.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm Th đối với anh Mang Công T.

Chị Nguyễn Thị Cẩm Th được ly hôn anh Mang Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Mang Tiến P, sinh ngày 15-4-2012 cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Mang Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mang Tiến P mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016208 ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm